

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN  
VIỆT NAM

Số: 3587/KLTTr-ĐCKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2017

### KẾT LUẬN THANH TRA

#### **Việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan trong hoạt động khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường của Công ty cổ phần Hóa An**

Thực hiện Quyết định thanh tra số 398/QĐ-ĐCKS ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; từ ngày 19 đến 23 tháng 5 năm 2017, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan đối với Công ty cổ phần Hóa An trong hoạt động khai thác và sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại 02 mỏ: mỏ đá Thạnh Phú 2 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu theo Quyết định cho phép khai thác số 1078/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2010 (nay là Giấy phép khai thác khoáng sản số 3221/GP-UBND) và mỏ đá Tân Cang 3, xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa theo Quyết định cho phép khai thác số 2733/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2009 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Xét nội dung Báo cáo kết quả thanh tra và các Biên bản thanh tra lập ngày 20 và ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

#### **I. Mỏ đá Thạnh Phú 2 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai**

##### **1. Khái quát chung:**

Công ty cổ phần Hóa An hoạt động khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Thạnh Phú 2 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định cho phép khai thác số 1078/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 06 tháng 5 năm 2010, diện tích được phép khai thác và chế biến là 20ha đến cote -60m, trữ lượng được cấp phép khai thác là 8.779.836m<sup>3</sup> đá xây dựng, khoáng sản đi kèm sét gạch ngói 119.612m<sup>3</sup>, công suất khai thác 1.000.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, thời gian thực hiện dự án là 10,5 năm, thời gian khai thác 10 năm kể từ ngày ký.

Ngày 20 tháng 10 năm 2015, UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đá xây dựng số 3221/GP-UBND cho Công ty thay thế cho Quyết định cho phép khai thác số 1078/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 06 tháng 5 năm 2010, diện tích được phép khai thác là 20ha đến cote -80m, trữ lượng được cấp phép là 10.374.544m<sup>3</sup> đá xây dựng, khoáng sản đi kèm là sét

gạch ngói 119.612m<sup>3</sup>; Công suất khai thác 818.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, công suất khai thác sét gạch ngói 20.000m<sup>3</sup>/năm, thời gian thực hiện dự án đến ngày 01/3/2027.

## 2. Kết quả thanh tra

Trong hoạt động khai thác và sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Thạnh Phú 2 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3221/GP-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2015 do UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty đã thực hiện:

### a) Về lĩnh vực khoáng sản

- Đã cắm đầy đủ mốc tại các điểm khép góc ranh giới khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.
- Đã lập và phê duyệt Thiết kế khai thác mỏ (Quyết định số 50/QĐ-CTHA ngày 03/01/2016).
- Sản lượng khai thác thực tế chưa đạt công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.
- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác thuộc ranh giới được phép khai thác, không có hiện tượng khai thác trái phép trong phạm vi ranh giới khu vực được cấp phép khai thác.
- Bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đúng quy định về tiêu chuẩn, trình độ (ông Phùng Minh Đức, kỹ sư khai thác mỏ theo Quyết định số 178/QĐ-CtyCPHA ngày 01/12/2014).
- Đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành (đã nộp 04 lần vào kho bạc nhà nước Đồng Nai với số tiền là 23.714.794.036 đồng).
- Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thực hiện đầy đủ.
- Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được cấp phép năm 2014, 2015 và năm 2016 được lập đầy đủ, nhưng nội dung, hình thức không phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### b) Về lĩnh vực khác có liên quan

#### \* Về bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN

- Đã có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 08/2016/GP-SCT ngày 16/11/2016 do Sở Công thương Đồng Nai cấp, thời hạn 2 năm kể từ ngày ký.
- Hộ chiếu khoan nổ mìn khai thác do Công ty lập cơ bản phù hợp với quy định của Yêu cầu an toàn về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo QCVN 02:2008/BCT, phù hợp với Thiết kế mỏ đã phê duyệt, nhưng sơ đồ gác mìn chưa phù hợp.

#### \* Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đầy đủ đến hết năm 2016 (đã ký quỹ lần 8 với tổng số tiền là: 2.012.401.290 đồng có Giấy xác nhận của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai).

- Quan trắc môi trường đúng tần suất, các thông số quan trắc môi trường đã được lập thành báo cáo, các chỉ tiêu quan trắc và phân tích đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

- Đã được Tổng cục Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT số 107/GXN-TCMT ngày 10/11/2015;

- Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại số 219/SĐK-STNMT ngày 9/5/2011; ký hợp đồng số 381-RNH/HĐ-KT/17 ngày 26/3/2017 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải với Xí nghiệp xử lý chất thải - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương.

\* Về lĩnh vực tài nguyên đất

Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cho thuê đất để khai thác Mỏ đá Thạnh Phú 2 tại Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 30/10/2010; Hợp đồng thuê đất số 10/HĐTĐ ngày 01/3/2011, diện tích 189.549,2 m<sup>2</sup>, thời hạn đến ngày 06/11/2020.

\* Về lĩnh vực tài nguyên nước

- Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 2675/GP-UBND, ngày 19/8/2016, công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm, thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp phép;

- Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2983/GP-UBND ngày 11/11/2011 và Quyết định gia hạn số 2774/QĐ-UBND ngày 27/9/2012, lưu lượng thải 4.900 m<sup>3</sup>/ngày, thời hạn 5 năm kể từ ngày 11/11/2012.

\* Về lĩnh vực an toàn lao động

- Đã ban hành nội quy và quy trình vận hành thiết bị, xe, máy cho hoạt động khai thác;

- Đã ban hành nội quy về an toàn lao động;

- Đã kiểm định các thiết bị vật tư có yêu cầu nghiệm ngặt về an toàn lao động (có Giấy kiểm định bình chịu áp lực của máy nén khí, máy nổ mìn);

- Đã lập hồ sơ quản lý công tác an toàn lao động trong khai thác mỏ theo quy định;

- Đã lắp hộp lưới bảo vệ, bảo hiểm các hệ thống quay, đập có nguy cơ gây mất an toàn khi vận hành;

- Đã cắm biển báo an toàn tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn trong khu vực moong khai thác và đường vận chuyển nội bộ mỏ, nhưng chưa đầy đủ;

- Thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động định kỳ hàng năm.

### 3. Kết luận

#### a) Kết quả đạt được

Quá trình hoạt động khai thác của Công ty cổ phần Hóa An trong thời kỳ thanh tra cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp

luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Công ty đã và đang khai thác trong diện tích và chiều sâu được cấp phép khai thác; đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định; đã hoàn thành việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào hoạt động được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận theo quy định; có hỗ trợ địa phương nơi có mỏ; đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định; có báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định; khai thác đá để sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với dự án đầu tư và đúng mục đích sử dụng khoáng sản quy định trong Giấy phép khai thác.

### b) Các tồn tại, vi phạm

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty tại mỏ đá Thạnh Phú 2 thuộc xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai vẫn còn một số tồn tại, vi phạm chủ yếu như sau:

- Không đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép trước khi thực hiện.

- Bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản chưa đầy đủ thông tin, số liệu, nội dung và hình thức không phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí lắp đặt trạm cân chưa đảm bảo kiểm soát được toàn bộ khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác.

- Lắp đặt các biển cảnh báo an toàn trong khu vực mỏ chưa đầy đủ.

### 4. Biện pháp xử lý và yêu cầu khắc phục vi phạm

Yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện:

- Lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản hàng năm phải đầy đủ thông tin, số liệu và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lắp đặt trạm cân tại vị trí phù hợp, đảm bảo kiểm soát được toàn bộ khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác.

- Xem xét lại phương án đồ thải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tế khai thác của mỏ, nhất là khi nối thông moong với các mỏ liền kề.

- Bổ sung đầy đủ các biển cảnh báo an toàn trong khu vực mỏ, nhất là tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn trong khu vực moong khai thác và đường vận chuyển nội bộ mỏ.

## II. Mỏ đá Tân Cang 3, xã Phước Tân và xã Tam Phước, huyện Long Thành (nay là thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai

### 1. Khái quát chung

Công ty cổ phần Hóa An hoạt động khai thác và sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Tân Cang 3, xã Phước Tân và xã Tam Phước, huyện Long Thành (nay là thành phố Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai theo Quyết định cho phép khai thác khoáng sản số 2733/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2009

của UBND tỉnh Đồng Nai; diện tích khu vực hoạt động khoáng sản 23,03ha trong đó (diện tích mỏ moong khai thác là 11,74ha, diện tích công trình phụ trợ là 11,29ha); cao trình kết thúc khai thác đến cote -60m, trữ lượng được phép khai thác là 2.725.505m<sup>3</sup> đá xây dựng; công suất khai thác 490.000 m<sup>3</sup> đá nguyên khối/năm, thời gian thực hiện dự án là 6,5 năm kể từ ngày ký.

Ngày 30 tháng 6 năm 2011 UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 1625/QĐ-UBND điều chỉnh Quyết định cho phép khai thác số 2733/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2009; diện tích hoạt động khoáng sản là 23,03ha, trong đó khu vực mỏ moong khai thác là 21,74ha, khu vực công trình phụ trợ là 1,29ha; công suất khai thác là 490.000m<sup>3</sup>/năm (đá nguyên khối); thời hạn khai thác đến ngày 23 tháng 3 năm 2024.

## 2. Kết quả thanh tra

Trong hoạt động khai thác và sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Tân Cang 3, xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định cho phép khai thác khoáng sản số 2733/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2009 của UBND tỉnh Đồng Nai, Công ty đã thực hiện:

### a) Về lĩnh vực khoáng sản

- Đã cắm đầy đủ mốc các điểm khép góc ranh giới khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.
- Đã lập và phê duyệt Thiết kế khai thác mỏ (Quyết định số 216/QĐ-CTHA ngày 18/12/2011).
- Sản lượng khai thác thực tế chưa đạt công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.
- Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong ranh giới khu vực được cấp phép khai thác, không để xảy ra hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới khu vực được cấp phép khai thác.
- Bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đúng quy định về tiêu chuẩn, trình độ (ông Bùi Văn Hiệp, kỹ sư khai thác mỏ theo Quyết định số 37/QĐ-CtyCPHA ngày 11/3/2014).
- Đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành (đã nộp 04 lần vào kho bạc nhà nước Đồng Nai với tổng số tiền là 9.707 triệu đồng).
- Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thực hiện đầy đủ.
- Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được cấp phép năm 2014, 2015 và năm 2016 được lập đầy đủ, nhưng nội dung, hình thức không phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### b) Về lĩnh vực khác có liên quan

#### \* Về bảo quản, vận chuyển và sử dụng VLNCN

- Đã có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 15/2015/GP-SCT ngày 27/11/2015 do Sở Công thương tỉnh Đồng Nai cấp, với thời hạn 02 năm kể

từ ngày ký.

- Hộ chiếu khoan nổ mìn khai thác đá tại mỏ Tân Cang 3 do Công ty tự lập cơ bản phù hợp với quy định của Yêu cầu an toàn về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo QCVN 02:2008/BCT, phù hợp với Thiết kế mỏ đã phê duyệt, nhưng sơ đồ gác mìn chưa phù hợp.

\* *Về lĩnh vực bảo vệ môi trường*

- Đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đầy đủ đến hết năm 2016 (đã ký quỹ 07 lần với tổng số tiền là: 2.429.059.000 đồng có Giấy xác nhận của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai).

- Quan trắc môi trường đúng tần suất, các thông số quan trắc môi trường đã được lập thành báo cáo, các chỉ tiêu quan trắc và phân tích đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

- Đã được Tổng cục Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình BVMT số 35/GXN-TCMT ngày 14/4/2015.

- Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 209/SĐK-STNMT ngày 06/5/2011; đã ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 389-RNH/HĐ-KT/17 ngày 26/4/2017 với Xí nghiệp xử lý chất thải - Công ty cổ phần Môi trường Bình Dương.

\* *Về lĩnh vực tài nguyên đất*

Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cho thuê đất để khai thác tại Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 28/12/2009. Hợp đồng thuê đất số 01/HĐĐTĐ ngày 06/01/2010, diện tích 187.390m<sup>2</sup>, thời hạn đến ngày 23/3/2016 và Phụ lục hợp đồng thuê đất số 01/PLHĐĐTĐ ngày 30/5/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai (phụ lục của hợp đồng thuê đất số 01/HĐĐTĐ ngày 6/1/2010); thời hạn thuê đất đến hết ngày 23/3/2024.

\* *Về lĩnh vực tài nguyên nước*

- Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 1860/GP-UBND, ngày 26/7/2011, công suất 20m<sup>3</sup>/ngày đêm, thời hạn 03 năm kể từ ngày ký và Quyết định gia hạn số 2099/QĐ-UBND, thời hạn 5 năm kể từ ngày 26/7/2014.

- Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2480/GP-UBND ngày 28/9/2011 thời hạn 01 năm, lưu lượng thải 4.900 m<sup>3</sup>/ngày và Quyết định số 2775/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai ngày 27/9/2012 về việc gia hạn giấy phép xả thải vào nguồn nước, thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.

\* *Về lĩnh vực an toàn lao động*

- Đã ban hành nội quy và quy trình vận hành thiết bị, xe, máy cho hoạt động khai thác.

- Đã ban hành nội quy về an toàn lao động.

- Đã kiểm định các thiết bị vật tư có yêu cầu nghiệm ngặt về an toàn lao động (có Giấy kiểm định máy xay nghiền đá, máy nén khí, máy xúc, trạm cân).

- Đã lập hồ sơ quản lý công tác an toàn lao động trong khai thác mỏ.

- Đã lắp hộp lưới bảo vệ, bảo hiểm các hệ thống quay, đập có nguy cơ gây mất an toàn khi vận hành.

- Đã cắm biển báo an toàn tại các vị trí có nguy cơ mất an toàn trong khu vực moong khai thác và đường vận chuyển nội bộ mỏ, nhưng chưa đầy đủ.

- Thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động định kỳ hàng năm.

### 3. Kết luận

#### a) Kết quả đạt được

Quá trình hoạt động khai thác của Công ty cổ phần Hóa An trong thời kỳ thanh tra cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan, cụ thể như sau: Công ty đã và đang khai thác trong diện tích và chiều sâu được cấp phép khai thác; đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định; đã hoàn thành việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào hoạt động được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận theo quy định; có hỗ trợ địa phương nơi có mỏ; đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định; có báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định; khai thác đá để sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với dự án đầu tư và đúng mục đích sử dụng khoáng sản quy định trong Quyết định cho phép khai thác.

#### b) Các tồn tại, vi phạm

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty tại mỏ đá Tân Cang 3, xã Phước Tân và xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vẫn còn một số tồn tại, vi phạm chủ yếu như sau:

- Trước đây Công ty không đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép trước khi thực hiện.

- Hệ thống khai thác (đường vận chuyển chính) không đúng với thiết kế mỏ được phê duyệt; tuy nhiên đường vận chuyển chính hiện tại Công ty đang sử dụng là hợp lý và phù hợp với thực tế khai thác.

- Bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản chưa đầy đủ thông tin, số liệu, nội dung và hình thức không phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí lắp đặt trạm cân chưa đảm bảo kiểm soát được toàn bộ khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác.

### 4. Biện pháp xử lý và yêu cầu khắc phục vi phạm

Yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện:

- Lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản hàng năm phải đầy đủ thông tin, số liệu và có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xem xét việc điều chỉnh tuyến đường vận chuyển chính trong thiết kế mỏ cho phù hợp, đảm bảo sự hợp lý và khả thi trong thực tế khai thác.



- Lắp đặt trạm cân tại vị trí phù hợp, đảm bảo kiểm soát được toàn bộ khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, Công ty cổ phần Hóa An phải thực hiện các yêu cầu nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty cổ phần Hóa An (để thực hiện);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Lãnh đạo Tổng cục ĐC&KS VN;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Lưu VP, KSMN, HSTTr (Q.10).

**TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Đỗ Cảnh Dương